

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8//2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Khuru Bình Trí** ;

Ông **Dương Thị Thúy Duy**;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Văn Kha** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án thụ lý số 148/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm **1985**.

Cư trú: Tổ X, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn N**, sinh năm **1986**.

Cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 24/4/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của bà Nguyễn Thị H trình bày: Hôn nhân của bà với Phạm Văn N do người lớn mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2008. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 29/6/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông N sống chung với người phụ nữ khác, gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Phạm Hữu N sinh ngày 19/10/2009. Hiện nay cháu N đang sống chung với ông N, nếu ly hôn bà đồng ý để ông N tiếp tục nuôi dạy con chung và xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Phạm Văn N theo quy định nhưng ông N vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông N làm việc nhưng vẫn không gặp ông N để ghi lời khai.

Căn cứ theo văn bản ngày 10/7/2017 (có xác nhận của UBND phường X, quận G, TP HCM) của ông Phạm Văn N trình bày: Ông có nhận được thông báo của Tòa án về việc bà H xin ly hôn nhưng do ông bận công việc nên không đến Tòa được. Ông trình bày nội dung vụ án: Ông và bà H do cha mẹ định đoạt, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, ông và bà H ly thân đã lâu. Nay ông đồng ý ly hôn với bà H. Ông và bà H có 01 con chung Phạm Hữu N sinh ngày 19/10/2009. Hiện nay con chung đang sống bên ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung.

Chứng cứ thu thập được: Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2017 được bà Phạm Thị Đ (ông Ny gọi bằng bà) cho biết: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N do mai mối, có tổ chức đám cưới. Ông N và bà H ly thân từ năm 2013 nguyên nhân như thế nào thì không rõ nhưng thấy thường xuyên cự cãi. Bà H, ông N có 01 con chung Phạm Hữu N, đang được ông N nuôi dạy tốt.

Tại Phiên tòa bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, các phần còn lại bà H bảo lưu ý kiến. Riêng ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX), xét xử vắng mặt ông N theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Về quan hệ tình cảm: Bà H và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn giữa bà H và ông N không thể hàn gắn và các đương sự có ý kiến thống nhất ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Về quan hệ con chung: Đồng ý để ông N được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phạm Hữu N sinh ngày 19/10/2009. Công nhận sự tự nguyện của bà H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 650.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 29/9/2018.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N. Đồng thời, ông N cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông N là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông N, HĐXX xét thấy thời gian ly thân giữa bà H, ông N đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Ông N cũng đồng ý ly hôn với bà H nên HĐXX chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà H đồng ý để cho ông N được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 19/10/2009. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với ông N. Cháu N cũng trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với ông Ngây. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận để cho ông N tiếp tục nuôi dạy là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông N không yêu cầu bà Huệ cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với pháp luật và có lợi cho cháu N nên HĐXX công nhận sự tự nguyện của bà H. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 29/9/2018.

HĐXX cũng giải thích cho các đương sự biết: Ông N cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông N xác định không có tài sản chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và án phí dân sự. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn N.

Về con chung: Ông Phạm Văn N được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 19/10/2009.

Công nhận sự tự nguyện của bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 29/9/2017 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Ông N cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011033 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, bà H nộp thêm 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/8/2017) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với ông N được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc